

Bản án số: **228/2024/HNGĐ-ST**

Ngày: 11/7/2024

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con
khi ly hôn”*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Sĩ Quang

Bà Phạm Thị Thà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Phương Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa:
Bà Phạm Thị Thùy - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 7 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 10/4/2024 về việc *“Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 6 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 182/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1988; Địa chỉ: Khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Vắng mặt, có quan điểm xin vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Bùi Xuân C1, sinh năm 1981; Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Khu dân cư P, phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Nơi ở hiện nay: Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Nguyễn Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Bùi Xuân C1 được tự do tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại UBND xã H, huyện C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/4/2008. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống cùng nhau tại nhà bố mẹ chồng. Năm 2010, anh C1 đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu, anh C1 thường xuyên liên lạc về cho chị. Từ năm 2018, vợ chồng chị bắt đầu xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do tính cách và quan điểm sống của

vợ chồng không hợp nhau, mặt khác vợ chồng sống xa nhau nên tình cảm nhạt dần. Từ đó đến nay, vợ chồng chị không còn liên lạc với nhau, nếu có anh C1 cũng chỉ gọi điện về cho con. Từ tháng 11/2023, chị đã xin phép bố mẹ chồng cho chị chuyển về nhà bố mẹ đẻ sinh sống. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Bùi Xuân C1.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 06/8/2009, hiện đang ở cùng chị. Khi ly hôn, chị xin được nuôi con chung và tự nguyện không yêu cầu anh C1 phải cấp dưỡng tiền nuôi con cùng chị.

Về tài sản chung, nợ chung: Vợ chồng chị không có tài sản chung, nợ chung nên chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

Do chị C không cung cấp được địa chỉ của anh Bùi Xuân C1 ở Đài Loan nên Tòa án đã tiến hành xác minh tại gia đình anh C1. Bà Trần Thị K (là mẹ đẻ của anh C1) trình bày: Bà không biết địa chỉ cụ thể của anh C1 ở nước ngoài nên không cung cấp cho Tòa án được. Tuy nhiên anh C1 vẫn thường xuyên liên lạc với bà qua điện thoại. Bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và đã thông báo cho anh C1 biết. Thông qua gia đình, anh C1 xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn nên chị C xin ly hôn, anh C1 đồng ý. Về con chung: Anh C1 xác định vợ chồng có 01 con chung như chị C trình bày. Khi ly hôn, anh C1 đề nghị Tòa án giải quyết theo nguyện vọng của con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Anh C1 không đề nghị Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn chị C vắng mặt, có quan điểm vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh C1 vắng mặt không có lý do.

Đại diện Viện sát nhân dân tỉnh H phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử và nguyên đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chấp hành đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa chấp hành đúng quy định Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C được ly hôn anh Bùi Văn C2. Về con chung: Giao cho chị C được nuôi dưỡng con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 06/8/2009 cho đến khi con chung đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh C2 cấp dưỡng tiền nuôi con. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Bị đơn anh Bùi Xuân C1 hiện đang sinh sống và làm việc tại Đài Loan, nơi cư trú trước khi xuất cảnh tại phường H, thành phố C, tỉnh Hải Dương. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

[1.2] Quá trình giải quyết vụ án, chị C không cung cấp được địa chỉ của anh C1 tại Đài Loan. Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị C và gia đình anh C1 cung cấp địa chỉ, nhưng chị C và gia đình anh C1 không cung cấp được. Bà Trần Thị K là mẹ đẻ anh C1 xác định anh C1 vẫn thường xuyên liên lạc với gia đình, bà đã thông báo về việc chị C có đơn xin ly hôn, anh C1 không cung cấp địa chỉ và không gửi ý kiến trình bày bằng văn bản cho Tòa án. Do vậy, căn cứ Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương tiến hành giải quyết vụ án theo quy định.

[1.3] Tại phiên tòa, chị C vắng mặt, có đề nghị xin xét xử vắng mặt. Bị đơn anh C1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng qua gia đình và niêm yết các văn bản tố tụng đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt, do vậy, căn cứ Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị C và anh Bùi Xuân C1 kết hôn tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại xã H, huyện C (nay là phường H, thành phố C), tỉnh Hải Dương vào ngày 28/4/2008 nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống, chị C và anh C1 đều xác định vợ chồng đã xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và sống xa nhau thời gian dài nên không còn tình cảm. Từ năm 2018 đến nay, chị C và anh C1 sống ly thân. Nay chị C có đơn xin ly hôn, anh C1 đồng ý. Xét thấy, mâu thuẫn giữa chị C và anh C1 đã trầm trọng, anh chị không còn yêu thương, quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cần chấp nhận cho chị C được ly hôn anh C1 là phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về quan hệ con chung: Chị C và anh C1 có 01 con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 06/8/2009. Hiện cháu T đang ở với chị C. Sau khi ly hôn, chị

C và anh C1 thống nhất giao cháu T cho chị C nuôi dưỡng, cháu T có quan điểm ở cùng chị C. Xét thấy hiện nay chị C đang ở Việt Nam, anh C1 đang ở nước ngoài không có điều kiện trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Do đó, để đảm bảo quyền lợi tốt nhất cho con, cần giao cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng cháu T là phù hợp. Chị C tự nguyện không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng tiền nuôi con nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự tự nguyện của chị.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 10 Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về Hôn nhân và gia đình; Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị C ly hôn anh Bùi Xuân C1.

2. Về con chung: Giao cho chị Nguyễn Thị C được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung là Bùi Thị Minh T, sinh ngày 06/8/2009 kể từ tháng 07/2024 cho đến khi con chung tròn 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của chị C không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng tiền nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị C phải chịu 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) án phí ly hôn sơ thẩm, được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (*Ba trăm nghìn đồng*) đã nộp, theo biên lai thu tiền số 0000594 ngày 10 tháng 4 năm 2024 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương. Chị C đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND phường Hoàng Tiên, thành phố Chí Linh, tỉnh Hải Dương (*để ghi vào sổ hộ tịch*);
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VP, Tòa HC, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa

